

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn, giải
quyết việc nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về: Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị X**, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số G hẻm R đường P, khu phố D, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.**

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thành H**, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A, tổ A, ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thị X** trình bày:

Vào năm 2010, chị **X** và anh **H** chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/12/2010. Trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 13/02/2012 và **Nguyễn Xuân D**, sinh ngày 08/02/2014, hiện các con đang sống cùng chị **X**. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung thì không có.

Chị **X** xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** thiếu trách nhiệm nuôi con, dạy con, bỏ bê vợ con và có người phụ nữ khác ở ngoài, chị **X** phải nuôi dạy các con một mình, chị và anh **H** đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị **X** yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Chị **X** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **H1** và cháu **D** cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Thành H**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **H** nhưng anh **H** vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **H** đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn chị **X** yêu cầu được ly hôn với anh **H** và yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, bị đơn anh **H** có nơi cư trú tại **ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn **Phạm Thị X** và bị đơn **Nguyễn Thành H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị **X** và anh **H** vắng mặt tại phiên tòa, riêng chị **X** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác

định: Chị **Phạm Thị X** và anh **Nguyễn Thành H** chung sống với nhau vào năm 2010 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/12/2010. Như vậy hôn nhân giữa chị **X** và anh **H** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **X**, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu sau khi cưới nhau, chị **X** và anh **H** chung sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 6/2020 giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị **X** là do anh **H** không lo lắng cho gia đình, thiếu trách nhiệm nuôi con, dạy con, bỏ bê vợ con và có người phụ nữ khác ở ngoài, chị **X** phải nuôi dạy các con một mình, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau cho đến nay. Sau khi sống ly thân, chị **X** và anh **H** không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị **X** đoàn tụ gia đình, nhưng chị **X** vẫn kiên quyết ly hôn với anh **H**. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **H** nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh **H** cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **X**.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị **X** và anh **H** đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị **X** yêu cầu được ly hôn với anh **H** là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị **X** được ly hôn với anh **H**.

[3.2] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống với nhau, chị **X** và anh **H** có hai người con chung tên **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 13/02/2012 và **Nguyễn Xuân D**, sinh ngày 08/02/2014. Hiện cháu **H1** và cháu **D** do chị **X** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị **X** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Xét thấy, từ khi chị **X** và anh **H** sống ly thân cho đến nay chị **X** là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H1** và cháu **D**, các cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu **H1** và cháu **D** phát triển tốt về mọi mặt cần tiếp tục giao cháu **H1** và cháu **D** cho chị **X** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian chị **X** nuôi con, anh **H** được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Phạm Thị X** không yêu cầu anh **Nguyễn Thành H** phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh **H** vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **H** về phần tài

sản và nợ chung giữa chị X và anh H. Mặt khác, tại Tòa án chị X xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh H, anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Phạm Thị X** yêu cầu ly hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị X phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Phạm Thị X** được ly hôn với anh **Nguyễn Thành H**.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Xuân H1**, sinh ngày 13/02/2012 và **Nguyễn Xuân D**, sinh ngày 08/02/2014 cho chị **Phạm Thị X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **H1** và cháu **D** đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị **Phạm Thị X** nuôi con, anh **Nguyễn Thành H** được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Phạm Thị X** không yêu cầu anh **Nguyễn Thành H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phạm Thị X** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Phạm Thị X** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001023 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị **Phạm Thị X** không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND phường Đông Hồ, Tp Hà Tiên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thị Quyên